

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2024

V/v tranh chấp HNGĐ- ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nguyên;

Ông Nguyễn Thành Nghĩa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim N, ngày sinh 27/06/1995

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh G B (Quách Bính K), ngày sinh: 01/07/1994;

Số CMND: 130929199407013295; Quốc tịch: Trung Quốc

Địa chỉ liên hệ: Số 42, thôn B, thị trấn H, huyện H, thành phố T, tỉnh H, Trung Quốc.

(Chị Bùi Thị Kim N có mặt tại phiên tòa; anh G B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị Bùi Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G B kết hôn năm 2018, theo Giấy chứng nhận kết hôn số J130000-2018-001157 do Bộ dân chính nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa cấp ngày 13/12/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 03 năm và không thường xuyên liên hệ điện thoại thăm hỏi nhau. Nhận thấy, không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cần phải ly hôn để cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới của mình.

Vì các lý do trên, nay chị Bùi Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh G B.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn anh G B

Ngày 03/01/2023, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án bằng con đường Ủy thác tư pháp thông qua Bộ ngoại giao cho anh G B nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh G B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Kim N và anh G B có đăng ký kết hôn tại Bộ dân chính nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, giấy chứng nhận kết hôn số J130000-2018-001157, cấp ngày 13/12/2018, việc kết hôn của Chị N và anh G B là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam; Theo quy định tại Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của chị Bùi Thị Kim N về việc xin được ly hôn với anh G B:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị N và anh G B có tìm hiểu trước; quen nhau được một thời gian thì rồi quyết định tiến tới hôn nhân; Sau

khi kết hôn, vợ chồng không hợp nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 3 năm và không thường xuyên liên hệ điện thoại thăm hỏi nhau. Nhận thấy không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị N yêu cầu được ly hôn với anh G B, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Còn đối với anh G B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án bằng con đường Ủy thác tư pháp thông qua Bộ ngoại giao cho anh G B nhưng đến nay Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G B.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Kim N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim N được ly hôn với anh G B (Quách Bính Kiệt).

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014070 ngày 24/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- UBND Huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh